TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8- CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 04/12/2025
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CẦN THƠ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trịnh Văn Lộc.
- Ông Ngô Văn Cơ

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phan Hoàng Bửu – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ.

Ngày 04 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 76/2025/TLST – HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2025 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 268/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 211/QĐST- HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Thạch Thị Na V**, sinh ngày 15/4/2000.

Địa chỉ: Khóm S, phường V, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Ông **Kim C**, sinh ngày 01/3/1990.

Địa chỉ: Khóm S, phường V, thành phố Cần Thơ

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 07/10/2025, chứng cứ có trong hồ sơ, nguyên đơn bà Thạch Thị Na V trình bày: Bà Thạch Thị Na V và ông Kim C có tổ chức tiệc cưới năm 2024 và có đăng ký kết hôn ngày 26/4/2024 tại UBND phường V, thị xã V, tỉnh sóc Trăng (nay là phường V, thành phố Cần Thơ). Trong thời gian đầu cuộc sống gia đình rất hạnh phúc tuy nhiên, đến

khoảng tháng 06 năm 2024 vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm không còn hợp nhau và không có tiếng nói chung từ đó thì đã không còn chung sống cùng nhau. Trong quá trình chung sống bà Thạch Thị Na V và ông Kim C có không có con chung. Nhận thấy trong thời gian chung sống với nhau giữa bà Thạch Thị Na V và ông Kim C phát sinh nhiều mâu thuẫn bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc và sống ly thân. Bà Thạch Thị Na V xác định vợ chồng không còn tình cảm, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Kim C.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.
- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn ông Kim C*:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt, thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho ông Kim C theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng ông Kim C không gửi ý kiến bằng văn bản cho Toà án biết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng không đến Toà án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo trình tự quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến trình bày của nguyên đơn Thạch Thị Na V. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong vụ án này, bà Thạch Thị Na V yêu cầu ly hôn với ông Kim C. Quan hệ pháp luật nêu trên được điều chỉnh tại các Điều 51, Điều 56 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Thạch Thị Na V có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn Kim C được toà án triệu tập hợp lệ đến tham dự phiên toà nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) để xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, được Ủy ban nhân dân phường V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường V, thành phố Cần Thơ) cấp vào ngày 26/4/2024, số giấy chứng nhận kết hôn số: 211/2024 theo đúng quy định. Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án, Hội đồng xét xử khẳng định lời trình bày của nguyên đơn Thạch Thị Na V có kết hôn với bị đơn Kim C là sự thật, được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Vì vậy, giữa bà Thạch Thị Na V và ông Kim C đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc nhưng sau đó thì bất đồng quan điểm thường xuyên cãi vã làm cho tình cảm không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng dẫn đến bà Thạch Thị Na V và ông Kim C không còn tiếp tục sống chung với nhau từ năm 2024.

Nguyên đơn kiên quyết yêu cầu ly hôn vì cho rằng vợ chồng không còn tình cảm thương yêu nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Xét thấy, trong quá trình chung sống nguyên đơn và bị đơn đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, hiện không còn sống chung với nhau, cuộc sống vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình là đã vi phạm nghiêm trọng về nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình. Từ đó chứng tỏ rằng tình yêu giữa vợ chồng không còn nữa, mặc dù đang tồn tại quan hệ hôn nhân nhưng giữa bà Thạch Thị Na V và ông Kim C không có tình nghĩa vợ chồng. Những biểu hiện trên cho thấy, nguyên đơn và bị đơn không thể sống chung để cùng nhau xây dựng được gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và bền vững. Do đó, Hội đồng xét xử nhận định: Quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn Thạch Thị Na V và bị đơn Kim C thật sự trong tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Từ những phân tích nhận định như trên, xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn Thạch Thị Na V đối với bị đơn Kim C là có cơ sở chấp nhận. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để giải quyết cho bà Thạch Thị Na V được ly hôn với ông Kim C.

[3] Về con chung: Bà Thạch Thị Na V và ông Kim C không có con chung không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Thạch Thị Na V phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điểm c Khoản 1 Điều 92, Khoản 2 Điều 143, Khoản 3 Điều 144, Khoản 4 Điều 147, điểm a, b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, Khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Căn cứ Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a Khoản 5, điểm an Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thạch Thị Na V.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Thạch Thị Na V được ly hôn với ông Kim C.

2/ Về con chung: Không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Bà Thạch Thị Na V và ông Kim C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nguyên đơn Thạch Thị Na V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004476 ngày 07/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. (Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 – Cần Thơ), bà Thạch Thị Na V đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi bổ sung), thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi bổ sung). Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- VKSND khu vực 8 - Cần Thơ;
- Các đương sự;
- TAND TP. Cần Thơ;
- Phòng THA.DS khu vực 8 - Cần Thơ;
- UBND phường Vĩnh Phước;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Toàn